

# PHÂN BIỆT HÌNH THỨC GIẢNG DẠY GIỮA “TIẾNG TRUNG QUỐC CHUYÊN NGÀNH” VÀ “TIẾNG TRUNG QUỐC + KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP”

Trần Đình Tuấn

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

[tuantd@huflit.edu.vn](mailto:tuantd@huflit.edu.vn)

**TÓM TẮT**—Cùng với sự gia tăng nhu cầu về giảng dạy tiếng Trung Quốc trên thế giới, các hình thức, xu hướng và nội dung giảng dạy tiếng Trung Quốc cũng được cập nhật và thay đổi không ngừng, trong đó phải kể đến hai xu hướng đang được triển khai khá mạnh mẽ cả chiều rộng lẫn chiều sâu trong những năm gần đây, đó là xu hướng giảng dạy Tiếng Trung Quốc chuyên ngành (được Hiệp hội Giảng dạy Tiếng Trung toàn cầu của Trung Quốc (CLEC) dịch sang tiếng Anh với hai từ là “Major in Chinese” và “Professional Chinese”) và xu hướng giảng dạy Tiếng Trung Quốc song song với kỹ năng nghề nghiệp (được gọi tắt là “Tiếng Trung Quốc + kỹ năng nghề nghiệp”, dịch sang tiếng Anh là “Chinese + (Professional) Vocational Skills”). Vì cùng đều là những xu hướng giảng dạy chuyên ngành nên cũng chính từ đó dẫn đến những cách nhìn nhận và cách thức giảng dạy bị “trùng lặp”, thậm chí bị hiểu nhầm lẫn nhau. Bài nghiên cứu này đi sâu vào việc phân tích hai hình thức giảng dạy này và những khó khăn cùng với các vấn đề tồn tại để từ đó đưa ra cách nhìn nhận chính xác hơn về hai xu hướng giảng dạy tiếng Trung Quốc trong thời đại phát triển mới về việc giảng dạy tiếng Trung Quốc trên thế giới và ở Việt Nam.

**Từ khóa**— xu hướng giảng dạy Tiếng Trung Quốc toàn cầu; Tiếng Trung Quốc chuyên ngành; Tiếng Trung Quốc + kỹ năng nghề nghiệp; hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành.

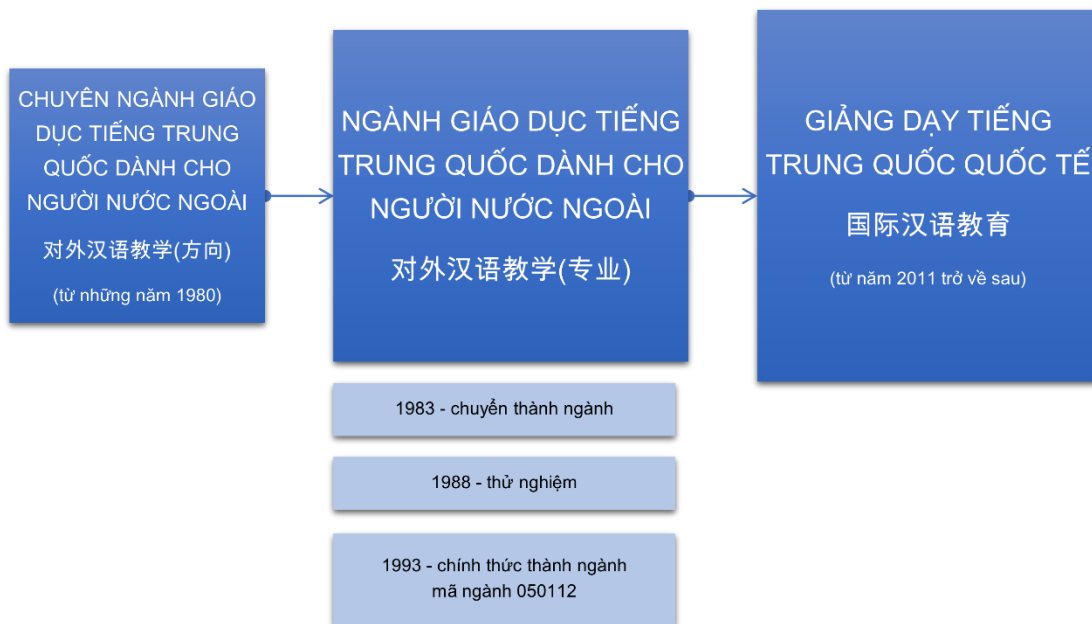
## I. MỞ ĐẦU

Giảng dạy tiếng Trung Quốc trên thế giới (tên gọi trong tiếng Trung Quốc là “国际汉语教育”, nay đổi thành “国际中文教育”, trong bài viết được gọi tắt là Giáo dục Hán ngữ Quốc tế) được đánh giá là một lĩnh vực và là mục tiêu quan trọng trong việc định hình ra hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc ra nước ngoài, được nghiên cứu và hình thành phát triển cùng với chính sách mở cửa của Trung Quốc ra nước ngoài từ những thập niên 80 đến đầu thập niên 90. Sau đó ngày càng được thúc đẩy và phát triển mạnh hơn để đi cùng với vị thế quốc tế ngày càng cao của Trung Quốc trong những năm đầu của thế kỷ 21, và nhất là lại càng được đẩy mạnh, phát triển tăng tốc với sự phát triển của xu hướng toàn cầu hóa từ năm 2010 trở lại đây. Ban đầu, nguồn gốc của việc giảng dạy này chỉ là “dạy tiếng Hán như một ngoại ngữ” cho những người nước ngoài đến Trung Quốc du học hoặc đến Trung Quốc làm việc với tư cách là các chuyên gia kỹ thuật hoặc các chuyên gia cố vấn của các công ty trong nước. Sau đó dần dần phát triển thành hình thức “Giáo dục Hán ngữ quốc tế”, ngoài việc tập trung hình thành một quá trình, một quy trình giảng dạy ngôn ngữ tiếng Trung Quốc dưới hình thức là một ngoại ngữ thứ hai cho người nước ngoài, hình thức này còn là cầu nối quan trọng để truyền bá văn hóa và giao lưu quốc tế. Thông qua việc học ngôn ngữ tiếng Trung Quốc, sinh viên quốc tế có thể hiểu sâu hơn về văn hóa, lịch sử và các giá trị xã hội Trung Quốc, từ đó thúc đẩy giao lưu và hiểu biết văn hóa giữa Trung Quốc và các nền văn hóa khác. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ trong xu hướng toàn cầu hóa và số hóa đã mở ra những khả năng mới, đã “thúc ép” và đưa ra những yêu cầu mới buộc các mô hình giáo dục cùng với các hình thức, các phương pháp giảng dạy truyền thống phải đổi mới, chính trong bối cảnh đó việc Giảng dạy tiếng Trung Quốc trên thế giới buộc phải chuyển mình, thay đổi những hình thức mới sao cho phù hợp, từ đó dẫn đến việc hình thành nên 2 hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài, đó là: (1) Hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành (专业汉语); (2) Hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc đi kèm kỹ năng nghề nghiệp(中文+职业技能).

## II. HÌNH THỨC GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC CHUYÊN NGÀNH 专业汉语

Hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành 专业汉语 hiện nay là một nhánh riêng biệt của Giáo dục tiếng Trung Quốc quốc tế 国际汉语教育(国际中文教育). Khái niệm và sự phát triển của “Tiếng Trung Quốc chuyên ngành” gắn liền chặt chẽ với việc Trung Quốc mở cửa với thế giới bên ngoài và hình thành trong việc bắt đầu xây dựng cơ chế và hình thành các cơ sở đào tạo dành cho sinh viên quốc tế tại Trung Quốc. Mặc dù những nền tảng cơ bản của giáo dục chuyên ngành đã tồn tại từ lâu, nhưng phương pháp “Giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành” được ghi nhận với sự ra đời của ngành Giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài(对外汉语教学) vào những năm 1980 [7]. Nhu cầu hình thành nhiều ngành học và đa dạng hóa nhu cầu bắt đầu xuất hiện là do số lượng sinh viên quốc tế tại Trung Quốc vào thời điểm đó đã bắt đầu có sự tăng vọt; nhu cầu học tập của họ ngày càng đa dạng. Sinh viên nước ngoài đang theo học ở Trung Quốc không còn hài lòng với việc chỉ học ngôn ngữ cơ bản mà thay vào đó họ mong muốn theo đuổi các bằng cấp chuyên môn về lịch sử, khoa học và kỹ thuật, y học, kinh tế và thương mại tại các trường đại học Trung Quốc. Nhu cầu này đã thúc đẩy việc giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ có những thay đổi rõ rệt. Năm 1983, việc thành lập “Hiệp hội Nghiên cứu Giảng dạy tiếng Hán như một ngoại ngữ

thuộc Hiệp hội Giáo dục Trung Quốc" (中国教育学会对外汉语教学研究会) đã đánh dấu sự chính thức ra đời phương pháp "Giảng dạy tiếng Hán như một ngoại ngữ" (对外汉语教学) chuyển hóa thành một ngành học chuyên biệt, được gọi tên là ngành Giảng dạy Tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài (对外汉语专业, sau đổi tên thành 国际汉语教学). Bộ Giáo dục Trung Quốc phê duyệt Đại học Ngôn ngữ và Văn hóa Bắc Kinh (nay là Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh) bắt đầu thành lập chuyên ngành giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ, với mục tiêu ban đầu là đào tạo giáo viên tiếng Trung Quốc và thành lập các chương trình đào tạo đại học về giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ. Không bao lâu sau, Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh, Đại học Ngoại ngữ Thượng Hải và Đại học Sư phạm Hoa Đông cũng được phê duyệt cho phép lần lượt thành lập chuyên ngành giảng dạy tiếng Trung Quốc dành cho người nước ngoài cùng với mục đích trên [8]. Vào thời điểm đó, các chuyên ngành giảng dạy tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ do các trường đại học nói trên thành lập là các ngành tự thành lập thuộc ngành học cấp hai (ngành nghề). Năm 1988, Ủy ban Giáo dục Chính phủ Trung Quốc phê duyệt thành lập ngành "Giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ" thuộc ngành Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc, và chuyên ngành bậc đại học "Giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ" chính thức được thành lập. Vào thời điểm đó, chuyên ngành này được ghi chú là "chuyên ngành thử nghiệm". Sau nhiều năm thử nghiệm, từ "thử nghiệm" được xóa khỏi danh mục ngành và từ đó giới thiệu thành ngành chính thức do Ủy ban Giáo dục Chính phủ Trung Quốc ban hành năm 1993 với mã ngành là 050112, trở thành chuyên ngành chính thức bậc đại học thuộc danh mục "Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc" và tên chuyên ngành này được sử dụng cho đến năm 2011 [8].



Hình 1. Quá trình hình thành ngành Giáo dục tiếng Trung Quốc quốc tế

Với sự gia tăng của các dự án quảng bá tiếng Trung Quốc ra thế giới, chủ yếu là từ các Học viện Khổng Tử, sự hạn chế của tên gọi "Tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ" trong bối cảnh ngày càng trở nên khó hiểu trong cách tiếp cận với người nước ngoài. Do đó, giới học thuật Trung Quốc đã kịp thời đưa ra tên gọi "Giáo dục tiếng Trung Quốc quốc tế 国际汉语教育". Năm 2012, Bộ Giáo dục Trung Quốc đã phê duyệt việc sáp nhập 3 ngành học "Tiếng Trung như một ngoại ngữ", "Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc" và "Nghiên cứu Trung Quốc" (hay còn gọi là Trung Quốc học) để thành lập ngành học ở bậc đại học gọi chung là "Giáo dục tiếng Trung Quốc quốc tế", và tên gọi này đã được sử dụng cho đến ngày nay.

Cũng trong bối cảnh đó, khái niệm về hình thức "Giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành" 专业汉语 ra đời. Khái niệm này ban đầu có tên gọi đầy đủ là phương pháp "Giảng dạy bằng tiếng Trung Quốc dùng trong các lĩnh vực chuyên ngành" 专门用途中文教学, gọi tắt là Tiếng Trung Quốc chuyên ngành 专业汉语 (được dịch sang tiếng Anh là Chinese for Specific Purposes, viết tắt CSP), được dùng để chỉ về việc người học làm sao có thể dùng tiếng Trung Quốc để đáp ứng với nhu cầu của các ngành nghề hoặc lĩnh vực học thuật cụ thể [1]. Mục tiêu cốt lõi của hình thức này là giảng dạy, bồi dưỡng đào tạo cho người nước ngoài học tiếng Trung Quốc có được khả năng vận dụng ngôn ngữ được sử dụng trong bối cảnh, ngữ cảnh được dùng trong một lĩnh vực chuyên ngành, ngành nghề nào đó.

Hình thức giảng dạy được quy định với mục tiêu rõ ràng, cụ thể:

Chú trọng cách thức thiết kế các chương trình học dài hạn riêng biệt cho từng ngành nghề cụ thể như kinh doanh, y học, kỹ thuật, luật... hoặc xây dựng các khóa học, chương trình học ngắn hạn được thiết kế riêng cho các lĩnh vực học thuật (bao gồm lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội). Không giống như chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc tổng quát thiên về các kỹ năng cơ bản như nghe nói đọc viết, nội dung giảng dạy của hình thức này được chia nhỏ, tập trung chặt chẽ vào kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ mà người học cần dùng để giao tiếp học thuật hoặc thực hành nghề nghiệp trong các lĩnh vực chuyên môn cụ thể (như y khoa, kinh doanh, kỹ thuật và nhân văn), từ đó hình thành các hướng cụ thể cho từng chuyên ngành.

Các chương trình học được gọi tên trực tiếp với ngành nghề như Thương vụ Hán ngữ (thương mại) 商务汉语, Y học Hán ngữ 医学汉语, Công trình Hán ngữ (xây dựng) 工程汉语, Pháp luật 法律汉语...

Chú trọng việc dạy về các từ ngữ, thuật ngữ chuyên dùng trong các lĩnh vực chuyên ngành, cấu trúc diễn ngôn biểu đạt và các cách thức trong giao tiếp, bao gồm biểu đạt giao tiếp trong ngôn ngữ nói (khẩu ngữ) và ngôn ngữ viết (cụ thể là trong các văn bản ứng dụng hành chính).

Hình thức đóng vai trò như một cầu nối nhằm nâng cao trình độ tiếng Trung Quốc của sinh viên quốc tế từ trình độ giao tiếp hàng ngày lên trình độ đủ để nghe học thuật, đọc hiểu chuyên ngành, viết luận và thảo luận trên lớp, từ đó đặt nền tảng ngôn ngữ vững chắc cho việc học tập chuyên môn sau này. Do đó yêu cầu đối với hình thức này là người học cần hoàn thành các kỹ năng tiếng Trung Quốc cơ bản trước (kỹ năng nghe nói đọc viết) trong khoảng thời gian nhất định, ít nhất là 2 năm đầu ở bậc đại học tại Trung Quốc; sau đó mới chuyển dần sang học tiếng Trung Quốc chuyên ngành, tập trung chủ yếu vào việc nâng cao kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ khẩu ngữ và đọc hiểu ngôn ngữ văn bản chuyên ngành cho người học trong từng bối cảnh cụ thể của lĩnh vực chuyên ngành và môi trường làm việc sau này [2]. Mục đích là giúp người học thu hẹp khoảng cách giữa tiếng Trung Quốc tổng quát và tiếng Trung Quốc chuyên ngành ở bậc đại học, giúp sinh viên quốc tế vượt qua rào cản ngôn ngữ trong quá trình học tập chuyên ngành.

Cùng với sự đổi mới về hàng loạt các bộ giáo trình dạy học dành cho hình thức giảng dạy này từ những năm đầu thế kỷ 2000, hình thức dần dần chuyển sang hình thức bồi dưỡng liên ngành, đào tạo người nước ngoài thành thạo tiếng Trung Quốc lẫn nghề nghiệp, định hướng người học chuyển hướng sang hình thức Giáo dục hướng nghiệp 职业汉语 thậm chí là đi sâu hơn vào chuyên ngành đã học hoặc học liên thông, học thẳng vào các trường đại học đào tạo ngành nghề. Hoặc từ tiếng Trung Quốc tổng quát có thể chuyển sang hình thức tích hợp giảng dạy tiếng Trung Quốc trong văn phòng 职场汉语, tiếng Trung Quốc trong công ty 公司汉语... thông qua hình thức giảng dạy bằng tình huống thường gặp trong văn phòng, trong công ty chuyển thành giao tiếp cụ thể với hình thức xây dựng thành hội thoại đi với kiến thức thực hành công việc, các tình huống này sẽ mô phỏng môi trường làm việc thực tế để người học nắm bắt hiểu rõ về tình huống đó để sau này có thể ứng dụng khi làm việc ở Trung Quốc [4]. Giáo trình thể hiện rõ nhất về sự tích hợp này đó là Giáo trình 30 bài Khẩu ngữ Thương mại tiếng Trung Quốc (外贸汉语口语 30 课) của nhà xuất bản Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh 1991 (nay là Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh) và giáo trình Tiếng Trung Quốc dùng trong công ty (公司汉语) của nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh 1991. Sau khi hoàn thành chương trình ở bậc đại học, sinh viên nước ngoài có thể ở lại và làm việc trực tiếp trong môi trường làm việc tại Trung Quốc, nhất là các môi trường làm việc mang tính học thuật chuyên ngành của Trung Quốc.

Hình 2. Quá trình định hướng của hình thức Giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành



Ngoài từ vựng, kiến thức liên quan ngành nghề ra, chương trình giảng dạy còn đưa kiến thức giao tiếp văn hóa và giao tiếp liên văn hóa vào trong các bài giảng, tình huống. Điều này khác biệt so với tiếng Trung Quốc phổ thông dùng trong giao tiếp hàng ngày. Nói một cách đơn giản, tiếng Trung Quốc phổ thông dùng trong các cuộc trò chuyện hàng ngày và khi đi mua sắm, trong khi tiếng Trung Quốc chuyên ngành dùng trong các tình huống chuyên biệt như đọc hiểu báo chí, đọc báo cáo chuyên ngành, viết các đề xuất trong các lĩnh vực chuyên môn và đàm phán kinh

doanh. Nó đóng vai trò là cầu nối giữa trình độ tiếng Trung Quốc và tính ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn của người học. Từ hình thức chỉ giảng dạy chuyên ngành ban đầu dần dần hình thành hình thức giảng dạy kết hợp ở mức độ cao hơn, đó là giảng dạy trực tiếp cho người nước ngoài vào thẳng các ngành nghề cụ thể, gọi là hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc hướng nghiệp 职业汉语, mở rộng thành Tiếng Trung Quốc sử dụng trong các lĩnh vực ngành nghề 行业汉语, đó cũng chính là sự khởi đầu cho hình thức Giảng dạy tiếng Trung Quốc kết hợp kỹ năng nghề nghiệp 中文+职业技能 (行业专门化) ra đời sau này.

### III. HÌNH THỨC GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC KẾT HỢP NGÀNH NGHỀ CHUYÊN MÔN 中文+职业技能

Hình thức Giảng dạy Tiếng Trung Quốc kết hợp với ngành nghề chuyên môn (tiếng Trung Quốc là 中文教育与职业融合), trước đây được hiểu là vừa giảng dạy tiếng Trung Quốc vừa hướng nghiệp hoặc dạy nghề (tên tiếng Anh ban đầu được dịch là Professional Skills in Chinese), và được hiểu một cách nôm na là Giáo dục định hướng nghề (hoặc được hiểu là Giáo dục hướng nghiệp, gọi tắt là Giáo dục nghề, tên trong tiếng Trung Quốc là Chức Nghiệp Hán ngữ 职业汉语).

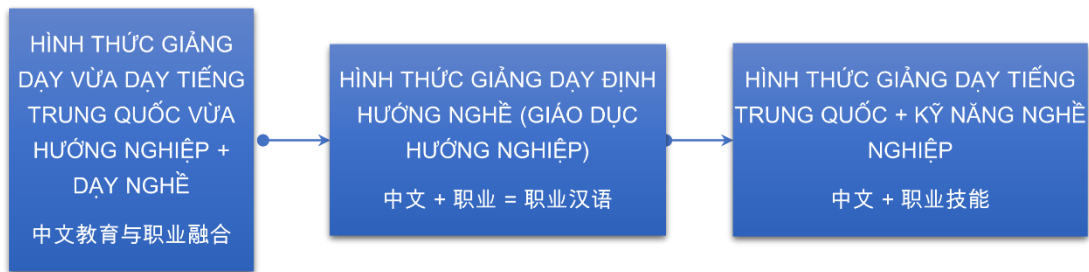
Hình thức giảng dạy kết hợp với ngành nghề chuyên môn ban đầu gần giống như hình thức giảng dạy chuyên ngành nhưng được kết hợp – tích hợp thêm kiến thức ngành nghề ở mức độ trung cấp, đó là giảng dạy trực tiếp cho người nước ngoài vào thẳng các ngành nghề cụ thể, nên đôi lúc hình thức này bị “nhầm lẫn” sang hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc nghề nghiệp 行业汉语. Vì trong quá trình giảng dạy từ lúc bắt đầu, các kỹ năng tiếng Trung Quốc cơ bản như nghe nói đọc viết cũng được dạy song song với các từ ngữ, thuật ngữ chuyên ngành được giảng dạy dưới dạng từ vựng bổ sung.

Gần đây trong bối cảnh triển khai chính sách “Một vành đai, Một con đường”, hình thức giảng dạy hướng nghiệp dần được chuyển thành hình thức giảng dạy kết hợp với đào tạo nghề, đổi sang hình thức với tên gọi mới “Tiếng Trung Quốc + Kỹ năng nghề nghiệp” 中文+职业技能 (tên tiếng Anh dịch đúng theo cách gọi là Chinese + Professional Skills, sau đổi thành Chinese + Occupational Skills, tên tiếng Anh hiện tại là Chinese + Vocational Skills), nhấn mạnh về tính ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào thực tiễn đối với các ngành có tính liên kết với nước ngoài như Kỹ thuật đường sắt cao tốc, Thương mại điện tử...

Khái niệm “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề nghiệp” lần đầu tiên được đề xuất tại Hội nghị Quốc tế về Giáo dục Tiếng Trung Quốc năm 2019, nhấn mạnh khi đang học tiếng Trung Quốc thì cũng đồng thời tiếp thu các kỹ năng nghề nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể. Mô hình giáo dục của khái niệm này bao gồm các yếu tố:

- (1) Về trình độ tiếng Trung Quốc, người học phải có được kỹ năng diễn đạt và giao tiếp tiếng Trung lưu loát để theo học.
- (2) Khi nâng cao trình độ tiếng Trung Quốc vào từng lĩnh vực chuyên môn thì người học cũng từng bước thành thạo các kỹ năng chuyên môn trong một lĩnh vực cụ thể nào đó.
- (3) Đi kèm theo đó thì người học phải có sự hiểu biết nhất định về văn hóa, đó là phải hiểu được về văn hóa Trung Quốc, song song đó là sự nhận thức đa văn hóa và kỹ năng giao tiếp trong sự liên kết giữa văn hóa bản địa của Trung Quốc với tính đa văn hóa từ các nước trên thế giới.

Trong quy trình tiếp cận với tính toàn cầu hóa ngày càng mạnh, nhất là trong bối cảnh của chính sách, thì việc “giao tiếp ngôn ngữ liên văn hóa 跨文化语言交流” là một trong 5 mắt xích được đánh giá có vị trí và tầm quan trọng nhất, dùng tiếng Trung Quốc để nâng cao vị thế và tầm quan trọng của Trung Quốc tại các quốc gia dọc theo tuyến đường vành đai của chính sách. Với sự hợp tác kinh tế và thương mại ngày càng sâu rộng giữa Trung Quốc và các nước tham gia “Một vành đai, Một con đường”, nhu cầu về nhân tài đa ngành, vừa thông thạo tiếng Trung vừa có chuyên môn chuyên môn đã tăng lên đáng kể. Điều này đã thúc đẩy sự chuyển dịch trong giáo dục tiếng Trung Quốc quốc tế từ mô hình giảng dạy ngôn ngữ thuần túy sang mô hình “tiếng Trung Quốc +” (中文+), bao gồm “tiếng Trung Quốc + giáo dục nghề nghiệp”(中文+职业) và “tiếng Trung Quốc + kỹ thuật chuyên môn / chuyên ngành”(中文+职业技能、专业), nhằm mục đích bồi dưỡng những nhân tài thực tiễn, những người có thể đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế và xã hội ngay tại quốc gia đó.



Hình 3. Quá trình định hướng của hình thức Giảng dạy tiếng Trung Quốc kết hợp nghề nghiệp

Từ đó hình thành nên những yêu cầu, quy định cho hình thức giảng dạy này như sau:

- (1) Thiết kế chương trình học sao cho tích hợp chặt chẽ với các tình huống sử dụng ngôn ngữ của ngành mục tiêu, ví dụ như đưa thuật ngữ chuyên môn và kỹ năng thực hành thông qua giảng dạy bằng tình huống để tích hợp về mặt cấu trúc diễn ngôn, giúp biểu đạt chuẩn xác hơn về mặt từ vựng, mẫu câu trong ngôn ngữ nói (ngôn ngữ giao tiếp khẩu ngữ).
- (2) Đưa các kiến thức có liên quan đến ngành nghề vào ngôn ngữ học, vào môi trường giáo dục, tích hợp vào các lĩnh vực chuyên môn cụ thể.

Đặc điểm cốt lõi của hình thức giảng dạy này phá vỡ sự tách biệt giữa “học ngôn ngữ thuần túy” và “phát triển kỹ năng chuyên môn”, giúp người học đồng thời thành thạo kỹ năng giao tiếp tiếng Trung Quốc và có được các kỹ năng chuyên môn có thể áp dụng trực tiếp tại nơi làm việc, từ đó giúp người học đạt được “trình độ ngôn ngữ và kỹ năng thực hành đầy đủ” [4]. Hình thức giảng dạy này cũng yêu cầu:

- (1) Nội dung giảng dạy phải được liên kết và thiết kế chặt chẽ với các lĩnh vực, cụ thể vào từng tình huống, từng môi trường, từng chủ đề cụ thể của ngành nghề đó;
- (2) Tập trung vào thuật ngữ chuyên môn, đưa ra cách diễn đạt sao cho chuẩn nhất, chân thật nhất tương ứng với kỹ năng giao tiếp trong ngành. Từ đó quy định việc thực hành ngôn ngữ phải đúng vào trọng tâm của hình thức giảng dạy, đó là người học hoàn toàn chắc chắn có thể ứng dụng được “ngôn ngữ đã học” trong chương trình sao cho thích ứng được trong môi trường làm việc thực tế, chẳng hạn như đọc tài liệu chuyên môn, trao đổi kỹ thuật và hợp tác được với những người làm việc chuyên môn tại nơi làm việc [4].

Sau khi hoàn thành chương trình học, người học có được “năng lực Tiếng Trung Quốc mang tính thực hành 实用性中文能力” chứ không phải là “tiếng Trung Quốc ngôn ngữ hay ngôn ngữ mang tính văn học 汉语言文学/文学性中文” hoặc là “tiếng Trung Quốc dùng để thi cử 书写汉语/应试中文”, họ có khả năng ứng dụng các kỹ năng tiếng Trung Quốc tập trung vào “giao tiếp trong các tình huống tại nơi làm việc 职场场景化沟通”. Và khi giao tiếp về chuyên môn hay về chuyên ngành thì họ hoàn toàn có thể diễn đạt một cách lưu loát bằng tiếng Trung về thuật ngữ chuyên ngành thuộc lĩnh vực đó.

Ví dụ họ có thể dùng tiếng Trung Quốc chuyên ngành để miêu tả chính xác về “quy trình trong sản xuất” bằng từ “工艺流程” chứ không phải sử dụng cách ghép từ để chuyển dịch thành “生产过程/规程/流程”; miêu tả hành động “xử lý khiếu nại của khách hàng trong ngành dịch vụ” phải chuyển dịch chính xác là “客户投诉处理”; “xác minh đơn hàng” trong thương mại điện tử phải được gọi là “订单核对”...

Ngoài ra, họ còn có được kiến thức nền tảng vững chắc về cách thức, các tình huống giao tiếp tại nơi làm việc (như các cuộc họp, báo cáo công việc, hợp tác với đồng nghiệp và giao tiếp với khách hàng); Đọc và viết được các tài liệu chuyên môn (như viết được sơ yếu lý lịch đúng theo thể thức văn bản hành chính ở Trung Quốc; cách thức email trong công việc; hướng dẫn vận hành và thông số kỹ thuật sản phẩm...). Và với các tiêu chí trên thì hình thức giảng dạy này đồng thời cũng yêu cầu giảng viên giảng dạy phải có khả năng hiểu biết sâu rộng về ngành nghề đó mới có thể tích hợp giảng dạy kết hợp với kiến thức ngành nghề được [4].

#### IV. SỰ THAY ĐỔI TRONG HÌNH THỨC GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC CHUYÊN NGÀNH 专业中文

Căn cứ vào những thay đổi trong nội dung quy định dành cho hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành từ năm 2010 có trong nội dung của Đề cương chương trình giảng dạy phiên bản 2014 [2], phương pháp giảng dạy và chương trình học tiếng Trung Quốc chuyên ngành có những thay đổi mới trong đặc điểm hình thức giảng dạy:

**Về mặt nội dung:** Nền tảng kiến thức của chương trình học chuyên ngành từ năm thứ ba ở bậc đại học hoặc các khóa học chuyên ngành ngắn hạn và dài hạn sẽ được thiết kế thành hai giai đoạn:

- (1) Module tiếng Trung Quốc chuyên ngành cơ bản 专业汉语基础模块 bao gồm các kiến thức nền tảng về kỹ năng tiếng Trung Quốc cùng với từ vựng chuyên ngành.
- (2) Module tiếng Trung Quốc chuyên sâu vào chuyên ngành 专业汉语专业模块 bao gồm các tình huống trường hợp cụ thể trong môi trường làm việc thực tế, xây dựng thành các bài đối thoại, bài đọc hiểu kết hợp với nền tảng kiến thức đi sâu vào chuyên ngành, đồng thời xây dựng thành các môn học riêng biệt hỗ trợ ngoài chương trình học tiếng Trung Quốc. Mục tiêu là giảng dạy một cách rõ ràng, tập trung trau dồi các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc và viết của sinh viên quốc tế để đáp ứng nhu cầu giao tiếp cơ bản của họ trong cuộc sống hàng ngày và cả trong nghiên cứu chuyên môn của chuyên ngành.

**Về hình thức giảng dạy:** Tích hợp thực hành và lý thuyết, nhấn mạnh việc tích hợp giữa học ngôn ngữ với các nghiên cứu chuyên môn; là sự kết hợp giữa ngôn ngữ và kỹ năng chuyên môn. Nhiều phương pháp giảng dạy đa dạng như phương pháp giảng dạy đa phương tiện, học tập mô phỏng tình huống theo giáo trình và mô phỏng môi trường được giáo viên hướng dẫn ngay tại lớp học. Ngoài ra còn nhấn mạnh vào thực hành giao tiếp và tương tác với người cùng học thông qua các tình huống, thảo luận nhóm và nghiên cứu tình huống, để nâng cao trình độ ngôn ngữ của sinh viên với mọi trình độ, nhiều đối tượng học khác nhau.

Từ đó, sinh viên nước ngoài có thể lựa chọn các hình thức học theo nhóm riêng với các sinh viên nước ngoài khác trong các khóa học thiết kế riêng ngắn hạn, dài hạn dưới hình thức là các môn học tự chọn ở bậc đại học; hoặc theo trực tiếp cùng với sinh viên Trung Quốc cùng trường và cùng chuyên ngành, cùng chương trình học. Các môn học được đưa vào chương trình gồm Tiếng Trung Quốc hiện đại 现代汉语, Tiếng Trung Quốc cổ đại 古代汉语, Giới thiệu về giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ 对外汉语教学作为一个外语 (国际汉语教育作为一个外语; 国际汉语教育作为第二外语), Đại cương về văn hóa Trung Quốc 中国文化概论, Giới thiệu về giao tiếp liên văn hóa 跨文化交际...

## V. PHÂN BIỆT HAI HÌNH THỨC GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG QUỐC CHUYÊN NGÀNH

Khi chuyển dịch các thuật ngữ của các hình thức Giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành và cách gọi của các khái niệm sang tiếng Việt, bản thân người viết cũng gặp khá nhiều sự lúng túng trong các cách diễn giải, phân tích các thuật ngữ, các hình thức cũng như phương pháp diễn giải. Ví dụ: Các từ mô tả tiếng Trung Quốc trong ngôn ngữ Trung Quốc và ngôn ngữ Việt Nam như 汉语, 中文, 华语... được quy định thành “tiếng Trung Quốc” sẽ rất khó diễn giải hết ý nghĩa của tên gọi. Nếu được giữ nguyên cách gọi theo âm đọc Hán Việt của các từ, có thể sẽ dễ lý giải sự thay đổi của các tên gọi, như 汉语 Hán ngữ, 中文 Trung Văn, 华语 Hoa ngữ...

TỪ VỰNG	ÂM HÁN VIỆT	NGHĨA TƯƠNG ỨNG TRONG TIẾNG VIỆT
汉语	Hán ngữ	Tiếng Trung Quốc; Tiếng Hán
中文	Trung văn	Trung Văn (ngôn ngữ nói và ngôn ngữ văn bản)

Tương tự với các thuật ngữ để chỉ chuyên ngành, chuyên nghiệp, chuyên môn, ngành, ngành nghề, nghề, nghề nghiệp như 专门, 专业, 职业, 行业... cần phải phân biệt rõ các nghĩa của một từ nào đó, một thuật ngữ nào đó, sẽ rất khó diễn giải hết ý của từ.

Để tiện cho việc phân tích, so sánh đối chiếu các hình thức giảng dạy, người viết đề xuất một số cách dịch tương ứng như sau, theo thứ tự và tần số xuất hiện về nghĩa tương ứng của từ trong thuật ngữ, đồng thời cũng sẽ đính kèm chữ Hán theo sau các thuật ngữ để người đọc dễ dàng tra cứu các tài liệu bằng tiếng Trung Quốc.

TỪ VỰNG	TỪ LOẠI	NGHĨA TƯƠNG ỨNG TRONG TIẾNG VIỆT
专门	Phó từ	chuyên, hay, thường, đặc biệt
	Tính từ	chuyên nghiệp; chuyên môn (chuyên khoa); riêng; riêng biệt;
专业	Tính từ	chuyên nghiệp; chuyên; riêng biệt
	Danh từ	ngành (học); chuyên ngành (ngành học nhỏ trong ngành); (tổ) bộ môn;
职业	Tính từ	chuyên nghiệp;
	Danh từ	nghề nghiệp; nghề;
行业	Danh từ	ngành (nghề); ngành nghề; nghề nghiệp; nghề

Trong quá trình giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài, đa phần các bài giảng, chương trình học và các kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ đều được giảng dạy thiên về ngôn ngữ khẩu ngữ, thường được gọi là tiếng Trung Quốc thông dụng 通用汉语 hay còn gọi là tiếng Trung Quốc trong đời sống hàng ngày 日常汉语 (口语汉语). Chính vì vậy khi đi sâu vào tiếng Trung Quốc chuyên ngành, người học sẽ bị “bỡ ngỡ” và “vỡ lẽ” về sự khác biệt giữa ngôn ngữ khẩu

ngữ (văn nói) và ngôn ngữ văn bản (văn viết) với cách dùng từ giữa văn nói 口语词 và từ dùng trong văn viết 书面语.

Ví dụ:

Ở đây chúng tôi chỉ bán loại cá này (tình huống mua ở chợ) 我们这里只卖这种鱼。

Chúng tôi chỉ bán loại cá này (tình huống giao dịch trong công ty) 我们公司只销售这种鱼。 / 我们公司只经营这种鱼。

Khi dùng 销售 thay thế cho 卖 đã cho thấy người học tiếng Trung Quốc thông dụng thấy được sự khác biệt giữa văn viết và văn nói, đó là chưa kể đến chữ 销售 lại được dùng từ 经营 (kinh doanh) để thay thế.

Từ đó cho thấy việc “hiểu nhầm”, “nhầm lẫn” giữa các hình thức giảng dạy trong tiếng Trung Quốc làm cho chính bản thân người dạy lẫn người học khó mà phân biệt rõ giữa các hình thức. Dưới đây là bảng phân tích sự khác biệt giữa các hình thức dưới góc độ của người viết sau nhiều năm giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành tại đơn vị đang công tác.

Bảng 1. Sự khác biệt giữa các hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc

	<b>Tiếng Trung Quốc thông dụng</b> 通用汉语	<b>Tiếng Trung Quốc chuyên ngành</b> 专业汉语	<b>Tiếng Trung Quốc + kỹ năng nghề nghiệp</b> 中文 + 职业技能
Mục tiêu giảng dạy	Đáp ứng nhu cầu sử dụng tiếng Trung Quốc trong đời sống hằng ngày (nói chuyện, giao lưu, ăn ở đi lại, mua sắm...)	Đáp ứng nhu cầu giao tiếp ngôn ngữ trong các lĩnh vực chuyên ngành (như học tập, làm việc, nghiên cứu)	Vừa đáp ứng nhu cầu giao tiếp ngôn ngữ trong các lĩnh vực chuyên ngành đồng thời cũng nắm vững khả năng giao tiếp và thực hành chính xác kỹ năng trong nghề nghiệp, trong lĩnh vực chuyên ngành mà bản thân người học đang thực hiện.
Trọng tâm nội dung giảng dạy	Từ vựng, ngữ pháp cơ bản trong đời sống hay trong từng chủ đề cuộc sống thường ngày.	Từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc mẫu câu (cấu trúc diễn ngôn) và kỹ năng giao tiếp đàm thoại theo tình huống	Tiếng Trung Quốc liên quan đến ngành nghề, nghề nghiệp + kiến thức nền tảng, khái quát về ngành hay nghề nghiệp + kỹ năng thao tác <i>Ví dụ dạy tiếng Trung Quốc + Khách sạn: từ vựng có liên quan + kỹ năng giao tiếp khẩu ngữ + kỹ năng thao tác liên hệ với khách sạn (như đặt phòng, điện thông tin, đọc hiểu các quy định trong khách sạn...)</i>
Tình huống, hành động cụ thể	Nói chuyện hằng ngày với chủ nhà, gọi món khi dùng bữa...	Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành; tham gia cuộc họp chuyên môn ở công ty.	Giao lưu tiếp chuyện với khách hàng, giới thiệu bán sản phẩm, ghi chép và báo cáo bằng văn bản.

Dựa theo định nghĩa, khái niệm, nội dung và những thay đổi trong quy định dành cho các hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành từ năm 2014 trở đi trong Đề cương chương trình giảng dạy tiếng Trung Quốc quốc tế [2], người viết đưa ra bảng phân biệt hai hình thức giảng dạy nêu trên.

Bảng 2. Phân biệt điểm giống nhau và khác nhau giữa các hình thức giảng dạy

LOẠI HÌNH	<b>Hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc chuyên ngành</b> 专业汉语	<b>Hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc + kỹ năng nghề nghiệp</b> 中文 + 职业技能
<b>Khái niệm</b>	Giảng dạy tiếng Trung Quốc cho người nước ngoài	

LOẠI HÌNH	Hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc chuyên ngành 专业汉语	Hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc + kỹ năng nghề nghiệp 中文 + 职业技能
	Tập trung vào việc nâng cao trình độ ngôn ngữ cho lĩnh vực học thuật, lĩnh vực chuyên ngành cụ thể.	Kết hợp đào tạo kỹ năng nghề nghiệp nhằm đào tạo ra người học vừa thông thạo tiếng Trung Quốc vừa có kỹ năng nghề nghiệp cụ thể.
<b>Đối tượng người học</b>	Người nước ngoài; Sinh viên nước ngoài đến Trung Quốc du học. Mong muốn cải thiện nâng cao trình độ tiếng tiếng Trung Quốc	
	Sinh viên học chuyên ngành	Người học mong muốn cải thiện khả năng tìm việc bằng cách học tiếng Trung Quốc đi kèm với các kỹ năng chuyên môn.
	Người học cần sử dụng tiếng Trung Quốc trong một lĩnh vực cụ thể trong khoảng thời gian học ngắn hạn, dài hạn hoặc theo học đại học tại Trung Quốc.	Người học muốn tham gia công tác hoặc làm trong các ngành nghề cụ thể sau khi hoàn thành chương trình học
<b>Mục tiêu</b>	Trau dồi khả năng sử dụng tiếng Trung Quốc trong các lĩnh vực chuyên ngành	
	Trong từng lĩnh vực, chuyên ngành cụ thể (như kinh doanh, y tế, luật pháp...)	Trong các tình huống công việc và môi trường làm việc thực tế của người học
		Giúp người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn có liên quan để đáp ứng nhu cầu công việc và của thị trường việc làm
<b>Xây dựng, thiết kế chương trình học</b>	Thiết kế thành các chương trình học ngắn hạn, dài hạn phù hợp với nhu cầu người học	
	Đưa thành các chuyên ngành trong chương trình học để người học lựa chọn sau khi hoàn thành trình độ tiếng Trung Quốc cơ bản	Người học xác định lựa chọn ngành nghề duy nhất và theo học chương trình đó từ cơ bản đến nâng cao, hoặc theo học chương trình ngành ở cấp bậc đại học.
	Chương trình học gắn liền với tên các chuyên ngành 专业汉语方向. Ví dụ: Thương mại Hán ngữ 商务汉语; Y học Hán ngữ 医学汉语; Pháp luật Hán ngữ 法律汉语...	Nêu rõ tên ngành nghề đã chọn. Ví dụ: Tiếng Trung Quốc + Quản trị du lịch / Thương mại / Ngành Cơ điện / Sản xuất xe hơi / Thương mại điện tử / Logistic 中文+旅游管理/商务/机电/汽车/电子商务/物流...
<b>Nội dung giảng dạy</b>	Hoàn thành tiếng Trung Quốc trình độ sơ trung cấp (tương đương HSK 3-4) hoặc theo học bậc đại học chính quy ít nhất 2 năm.	
	Cung cấp từ vựng, ngữ pháp và mẫu câu liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành	
	Cung cấp một số kiến thức nền tảng và các điểm văn hóa liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành	Kiến thức và kỹ năng chuyên môn cụ thể (như quản lý du lịch, vận hành thương mại điện tử, y học cổ truyền...)
		Kỹ năng thực hành và ứng dụng vào thực tế
		Đưa kiến thức liên kết đa văn hóa vào trong môi trường giao tiếp và môi trường làm việc

LOẠI HÌNH	Hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc chuyên ngành 专业汉语	Hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc + kỹ năng nghề nghiệp 中文 + 职业技能
<b>Phương pháp giảng dạy</b>	Cung cấp và chủ yếu giải thích sự khác biệt của từ vựng và cách dùng trong ngôn ngữ khẩu ngữ và ngôn ngữ văn bản	Tiến hành song song giữa việc sử dụng ngôn ngữ và áp dụng, ứng dụng, thực hiện các thao tác, kỹ năng nghề nghiệp
	Đưa ra các tình huống điển hình, áp dụng từ vựng, mẫu câu, thuật ngữ để thực hành ngôn ngữ khẩu ngữ	Thông qua các tình huống thường thấy trong thực tế và môi trường mô phỏng môi trường làm việc thực tế để thực hiện việc giảng dạy và thực hành
	Giảng dạy với hình thức đọc hiểu, phân tích, giải thích	Đi sâu vào thực hành kỹ năng thao tác
<b>Mô hình dạy học</b>	Diễn ra trong lớp học	Kết hợp giữa môi trường lớp học và môi trường thực tế
	Sử dụng các case study, tình huống giả định trong giáo trình, trong thực tiễn để giảng dạy	Nhấn mạnh việc giao tiếp ngôn ngữ đi cùng với thực hiện kỹ năng, thao tác công việc
<b>Các dự án, chính sách hỗ trợ</b>	Học viện Khổng Tử	Chính sách “Một vành đai, Một con đường”

Về lý thuyết, mặc dù có thể thấy rõ những sự giống nhau và khác nhau giữa các hình thức giảng dạy Tiếng Trung Quốc chuyên ngành nhưng trên thực tế, việc thực hiện còn gặp phải những khó khăn, đòi hỏi cần có sự nhận nhìn đúng đắn trong việc triển khai thực hiện giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành. Đúc kết từ những kinh nghiệm thực tiễn trong giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành tại trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM (HUFLIT) từ những năm 2015 trở đi của bản thân người viết, để dạy được tiếng Trung Quốc chuyên ngành này cần đòi hỏi giảng viên phải có khả năng tiếp cận, hiểu và phân biệt được về những gì kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, từ vựng, cấu trúc diễn ngôn... có liên quan đến chuyên ngành mình sẽ đảm nhận giảng dạy, ít nhất bản thân người dạy phải phân biệt được:

- Sự khác biệt giữa ngôn ngữ khẩu ngữ và ngôn ngữ văn bản, từ đó đưa ra cách thức giảng dạy ngắn gọn và đủ chiều sâu để người học làm sao biết cách phân biệt các từ vựng đồng nghĩa, gần nghĩa;
- Ý nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành trong các trường hợp, tình huống và lĩnh vực khác nhau sẽ có những nghĩa khác nhau

Ví dụ: 打卡

(1) Khi học từ vựng, cần ghi nhớ từ vựng đó nên thực hiện việc ghi chép những từ đó vào thẻ từ vựng

→ 学生词时, 他就有一种学习打卡的习惯 (khi học từ vựng, anh ấy hay có thói quen học và ghi chép từ vào thẻ ghi nhớ)

(2) Ở văn phòng công ty: chấm công bằng cách quẹt thẻ

→ 上下班必须打卡 (khi bắt đầu vào ca làm hoặc kết thúc tan ca, bắt buộc phải quẹt thẻ chấm công)

(3) Sau khi hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao, bắt buộc phải ghi chép vào sổ để ghi chú hoặc chú thích là “đã hoàn thành”

→ 完成任务后进行记录予以互相监督, 务必打卡 (sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao phải tiến hành ghi chép lại để tiện cho các bên giám sát, bắt buộc phải thực hiện)

(4) Đi du lịch và check-in tại điểm tham quan

→ 旅游打卡 (du lịch và check-in)

- Nội dung hàm chứa trong từ vựng

Ví dụ: 中国建国以来 (từ khi Trung Quốc độc lập cho đến nay) → 建国 ngoài nghĩa “từ khi thành lập nhà nước”, “từ khi tuyên bố độc lập”, còn phải hiểu nội dung bao hàm trong từ vựng đó là ngày 10/01/1949 (ngày quốc khánh của Trung Quốc)

- Cách thức diễn ngôn về mức độ của từ vựng và nghĩa của từ vựng đó khi chuyển dịch sang tiếng Việt. Lấy ví dụ một đoạn trích từ bài đọc hiểu được giảng dạy trong học phần tiếng Trung chuyên ngành kinh thương vào học kỳ 7 (năm thứ 3 ngành Ngôn ngữ Trung Quốc) ở HUFLIT.

9.5% 比较准确地反映了中国经济的发展水平。中国经济增长的内在动力确实很强劲,投资需求非常旺盛,消费也随着生活水平、经济收入的提高趋旺。特别是中国农村,由于农业经济发展加快,使农民收入不断增加,农村市场的潜力是非常巨大的。另一方面,国际经济发展比较好,对中国的出口也有利,所以2004年中国经济增长相对较快。

Hình 4. Đoạn văn trích trong Giáo trình đọc hiểu Tiếng Trung Quốc chuyên ngành kinh thương (汉语商务通阅读教程) dùng cho học phần Tiếng Trung chuyên ngành kinh thương đang được giảng dạy tại HUFLIT.

Mức độ của 强 và 强劲 (意为强大有力、力度大、势头猛,通常用来形容经济增长等);

Mức độ của 大 và 巨大 (形容尺寸、体积、规模或程度非常大,也通常描述表图中的“高大”这意思)

Sự khác nhau giữa 投入 và 投资 (指将资金或资源投向特定领域)

Mức độ tăng tiến khác nhau giữa 旺盛 (指事物处于勃发、蓬勃的状态,核心在于“强劲”与“繁茂”) với các từ cùng nghĩa, gần nghĩa như 发展, 发达, 兴旺 khi được chuyển dịch sang tiếng Việt với nghĩa “phát triển ngày càng nhiều”.

Trong câu “2004年中国经济增长相对较快”(Sự tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc năm 2004 tương đối khá nhanh), cần làm rõ mức độ và nghĩa tương ứng của 2 phó từ 相对 và 较 (比较) khi 2 phó từ này được đặt cạnh nhau, người dạy cần làm rõ cho người học biết được “mức độ tăng trưởng của nền kinh tế” đang ở “mức độ là tương đối 相对” hay “mức độ khá 比较”, hay là “giữa mức tương đối và khá 相对较”.

- Cách thức viết tắt và diễn đạt đầy đủ những từ ngữ giản lược đó trong tiếng Trung Quốc

Ví dụ: 比较

Hình thức viết giản lược của 比较 khi là động từ: 比

Hình thức viết giản lược khi là phó từ: 较

Ngoài ra, có thể xem thêm các ví dụ khác được trích từ các giáo trình được sử dụng cho các học phần tiếng Trung Quốc chuyên ngành thương mại đang giảng dạy tại HUFLIT để có thể thấy rõ hơn về sự khác biệt và những điều cần thiết, cần biết khi người dạy đảm nhận việc giảng dạy các học phần về tiếng Trung Quốc chuyên ngành.

Ví dụ (1):

公司汉语

白小平: 第一个肯定是华强公司。

刘波: 对。虽然华强公司成立时间比我们晚5年,但是他们自从进入市场以来,发展异常迅速。我们的市场份额已经被他们抢去了不少。去年他们更是一举超越了我们,目前在中国的市场份额是第一位。

白小平: 他们比我们的同类产品质量高、性能好,价格却比我们的低,自然比我们的产品更有竞争力。

刘波: 不过他们也有弱点,靠打价格战来占有市场,他们的利润率目前应该是非常低的。我们的第二个竞争对手是国威公司,虽然现在他们的市场占有率不如我们高,但是它已经成为我们的另一个强有力的竞争对手了。

张云红: 这个公司我太了解了,去年我没少跟他们打交道。他们的卖点是产品的售后服务。不但一年以内包换,三年以内包修,还增加了定期回访和产品终身免费维护。从2000年下半年开始,他们的销售额直线上升。

Hình 5. Đoạn hội thoại trích trong Giáo trình Tiếng Trung Quốc trong công ty (公司汉语)

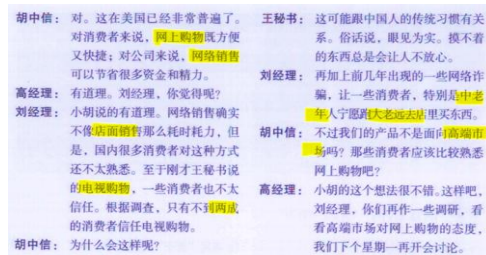
Làm thế nào để phân biệt các cụm từ gần nghĩa, đồng nghĩa trong tiếng Trung Quốc và chuyển dịch sang tiếng Việt như: 快, 迅, 捷; 快速, 迅块、快捷、迅捷; 过、越过、超越、一举超越; 很低、非常低。

Phân tích sự khác nhau giữa các cụm từ chỉ mức độ, trình độ hoặc trạng thái 强有力、有力、实力竞争者（竞争对手/公司）；没少、不少；打交道、打招呼；弱点、软肋；cũng như các cụm danh từ có nghĩa tương đồng hoặc nghĩa gần nhau, “na ná nhau” 市场份额、市场占有率；

Cách thức biểu đạt với các cấu trúc là các cụm từ dùng miêu tả các trạng thái thường thấy trong các biểu đồ hình như là: 一举超越；直线上升；不相上下；

Làm sao hiểu và giải thích được cho người học các thuật ngữ chuyên ngành như: 卖点；售后服务；三包；定期回访；终身维护...

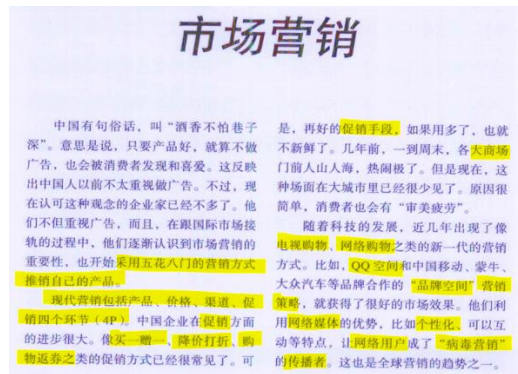
Ví dụ (2):



Hình 6. Đoạn hội thoại trong Giáo trình Tiếng Trung thương mại – Thực chiến trong công ty (卓越汉语公司实战篇)

Giải thích các nghĩa nội hàm có trong các từ vựng miêu tả về các loại hình cửa hàng và chuyển dịch sang tiếng Việt: 大老远去店: 大店、老店、远店、总店、旗舰店、商店、店子、店面; hoặc giải thích các thuật ngữ chỉ phương thức kinh doanh (phương thức bán hàng) như: 网上购物、网络购物、网络销售、店面销售、电视购物; 高中低端市场; Hoặc các từ được viết tắt như: 两成; 调研; 快捷; 精力; 中老年人.

Ví dụ (3):



Hình 7. Bài đọc về Marketing trong Giáo trình Tiếng Trung thương mại – Thực chiến trong công ty (卓越汉语公司实战篇)

Ngoài các khái niệm và kiến thức nền tảng về marketing 市场营销 và 4P trong marketing, người dạy cần phải giúp cho người học phân biệt khi nào dùng 产品、商品；促销、推销；

Làm thế nào để chuyển dịch sang tiếng Việt các cụm từ thuật ngữ chuyên ngành như: 降价打折；购物返券；促销手段；大商场；QQ 空间；品牌空间；病毒营销；个性化...

Ngoài sự phân biệt giữa hai hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành, việc lựa chọn giáo trình đưa vào giảng dạy sao cho phù hợp với trình độ của chương trình học hiện tại và trình độ ngôn ngữ của người học; kiến thức, các điểm văn hóa và nội hàm bên trong của từ vựng khi được sử dụng trong ngữ cảnh giao tiếp và bối cảnh đời sống thường ngày, trong các tình huống và môi trường khác nhau... cũng ảnh hưởng ít nhiều.

## VI. KẾT LUẬN

Mặc dù có thể thấy rõ những sự giống nhau và khác nhau giữa các hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành nhưng trên thực tế, việc thực hiện còn gặp phải những khó khăn, đòi hỏi cần có sự nhận nhìn đúng đắn trong việc triển khai thực hiện giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành. Với các ví dụ được nêu trong phần phân tích sự khác biệt cũng đã cho chúng ta thấy được việc giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành không chỉ đơn thuần là giảng dạy từ vựng hay diễn giải ngữ nghĩa mà nó còn là một thách thức to lớn đối với người dạy, mà ngay cả người học cũng cần phải có một nền tảng kiến thức đủ rộng để “thấm thấu” khi học và tiếp thu các hình thức

giảng dạy này. Khi hiểu rõ và phân biệt được sự khác nhau trong hai hình thức giảng dạy tiếng Trung Quốc chuyên ngành và các yếu tố ảnh hưởng tác động từ bên ngoài như nhu cầu thực tế từ bản thân người dạy và người học; từ môi trường dạy và học thực tế... thì từ đó mới có thể định hình được việc tại các trường đại học ở Trung Quốc cũng như các trường đại học ở nước ngoài có nên xây dựng và thực hiện việc phổ biến các hình thức giảng dạy này để nhằm đáp ứng được nhu cầu cần thiết của thị trường lao động hay không; và nếu như lựa chọn xây dựng tiếng Trung Quốc chuyên ngành như một chiến lược phát triển trong tương lai thì chúng ta sẽ lựa chọn hình thức nào cho phù hợp và tương thích với môi trường học tập, giảng dạy của từng trường đại học và trình độ của người theo học.

## VII. LỜI CẢM ƠN

Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh (HUFLIT).

## VIII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Zhao Jin Ming [赵金铭] (2004). *Duiwai Hanyu Jiaoxue lun* [对外汉语教学概论], ShangWu YinShuGuan [商务印书馆].
- [2] KongZi Xueyuan Zongbu - Guojia Hanban Bianzhi [孔子学院总部/国家汉办编制] (2014), *Guoji Hanyu Jiaoxue Tongyong Dagang* [国际汉语教学通用课程大纲], Beijing Yuyan Daxue Chubanshe [北京语言大学出版社], pp.17-28.
- [3] Guojia HanYu Guoji Tuiguang Lingdao Xiaozu Bangongshi [国家汉语国际推广领导小组办公室] (2008), *Guojia Hanyu Jiaoshi Biaozhun* [国际汉语教师标准], Waiyu JiaoXue Yu Yanjiu Chubanshe [外语教学与研究出版社], pp.52-58.
- [4] Guojia HanYu Guoji Tuiguang Lingdao Xiaozu Bangongshi [国家汉语国际推广领导小组办公室] (2007), *Guojia Hanyu Jiaoshi Biaozhun* [国际汉语教师标准], Waiyu JiaoXue Yu Yanjiu Chubanshe [外语教学与研究出版社], pp.52-64.
- [5] Guojia Hanyu Guoji Tuiguang Lingdao Xiaozu Bangongshi [国家汉语国际推广领导小组办公室] (2007). *Guoji Hanyu Nengli Biaozhun* [国际汉语能力标准], Waiyu Jiaoxue Yu Yanjiu Chubanshe [外语教学与研究出版社], pp.3-8, 22-23.
- [6] Zhongwai Yuyan Jiaoliu Hezuo Zhongxin [中外语言交流合作中心] (2024). *Guoji Zhongwen Jiaoxue Tongyong Kecheng Dagang - Daxue Chengren Jieduan* [国际中文教学通用课程大纲. 大学成人阶段], Beijing Yuyan Daxue Chubanshe [北京语言大学出版社], pp.14-18.
- [7] ZhongHua Renmin Gongheguo Jiaoyu Weiyuanhui Gaodeng Jiaoyu Si [中华人民共和国教育委员会高等教育司] (1993). *Putong Gaodeng Xuexiao Shehui Kexue Benke Zhuanye Mulu Yu Zhuanye Jianjie* [普通高等学校社会科学本科专业目录与专业简介], WuHan Daxue Chubanshe [武汉大学出版社], pp.20-22, 34-35.
- [8] ZhongHua Renmin Gongheguo Jiaoyu Weiyuanhui Gaojiao Yi Si [中华人民共和国教育委员会高教一司] (1989). *Putong Gaodeng Xuexiao Shehui Kexue Benke Zhuanye Mulu Yu Zhuanye Jianjie* [普通高等学校社会科学本科专业目录与专业简介], WuHan Daxue Chubanshe [武汉大学出版社], pp.20-22,34-35,307-309.

## DISTINGUISH TEACHING METHODS BETWEEN “MAJOR IN CHINESE” AND “CHINESE + VOCATIONAL SKILLS”

Trần Đình Tuấn

Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh  
tuantd@hufilit.edu.vn

**ABSTRACT**—Along with the increase in demand for Chinese language teaching in the world, teaching methods, trends and content of Chinese language teaching are also being updated and changed constantly, including two teaching methods that are being implemented quite strongly in both width and depth in recent years, namely the method of teaching specialized Chinese (translated into English with two words: "Major in Chinese" and "Professional Chinese" by the Center of Language Education and Cooperation, as CLEC) and the method of teaching Chinese in parallel with professional skills (referred to as "Chinese + Professional skills" or "Chinese + Vocational Skills"). Because they are all specialized in teaching Chinese, it also leads to "overlapping" and even misunderstood views and teaching methods. This paper delves into the analysis of these two methods of teaching and the difficulties and problems that exist to give a more accurate view of the two methods of Chinese language teaching in the new development era of Chinese language teaching in the world and in Vietnam.

**Keywords**— global Chinese teaching trends; specialized Chinese (Major in Chinese); Chinese + professional skills (vocational skills); how to teach specialized Chinese.



**Trần Đình Tuấn** là thạc sĩ Lịch sử Trung Quốc. Hiện là giảng viên cơ hữu Tổ Tiếng Trung chuyên ngành của ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, thuộc Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP HCM. Đảm nhận giảng dạy về ngôn ngữ tiếng Trung Quốc từ năm 2005 và các môn chuyên ngành của tổ Tiếng Trung chuyên ngành từ năm 2014. Lĩnh vực nghiên cứu là lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ tiếng Trung Quốc chuyên ngành. Đã xuất bản sách “Tự học đàm thoại tiếng Hoa thương mại” do Nhà xuất bản Trẻ phát hành năm 2003.